

Bản án số: **20/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 22 - 3 - 2018

Về việc tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chậu;

Ông Ngô Thái Hùng.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Bùi Thái Dương – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn L, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Võ Thị H (Võ Thị D), sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 07 tháng 3 năm 2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 04/12/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 07/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

Anh và chị Võ Thị H chung sống với nhau từ năm 1994 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L nhưng do ảnh hưởng của bão năm 2006 anh đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không quan tâm lẫn nhau, và 02 bên vẫn không tìm cách hàn gắn lại tình cảm, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2006 đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/8/1995, hiện con chung đang sống với chị H và đã trưởng thành có khả năng lao động, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 07/3/2018, bị đơn chị Võ Thị H (Võ Thị D) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân như anh L chồng chị trình bày là đúng. Chị và anh L chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay và có đăng ký kết hôn, nhưng Giấy đăng ký kết hôn do anh L giữ. Quá trình chung sống đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cự cãi mâu thuẫn trong lời nói, công việc hằng ngày, 02 bên không hóa giải được, vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Nay qua yêu cầu ly hôn của anh L chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/8/1995, hiện con chung đang sống chung với chị và đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:*

- *Về thủ tục giải quyết vụ án:* Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục gửi Thông báo thụ lý vụ án: cho đương sự và Viện Kiểm sát là chưa đảm bảo đúng thời hạn quy định tại Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với vi phạm trên chỉ là vi phạm nhỏ, không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án; nên chỉ kiến nghị Tòa án khắc phục trong thời gian tới.

Những người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn chấp hành tốt, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật, nên không đặt vấn đề vi phạm về nghĩa vụ.

* *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình để không công nhận mối quan hệ giữa anh L và chị H là vợ chồng vì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994, mặc dù anh chị khai thống nhất là có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, nhưng qua xác minh tại Ủy ban xã xác định sổ bộ lưu đăng ký kết hôn năm 1994 không còn, nên việc xác định anh chị có đăng ký kết hôn là chưa đủ cơ sở pháp lý, vì cơ sở pháp lý phải là giấy kết hôn hoặc sổ bộ lưu của Ủy ban xã về việc đăng ký kết hôn, nhưng cả 02 đều không có, nên không có cơ sở để xác định anh L và chị H có đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/8/1995, hiện con chung đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Võ Thị H (Võ Thị D) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 07 tháng 3 năm 2018, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H (D) là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* *Về nội dung:*

- *Về quan hệ hôn nhân:*

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án cả anh L và chị H (D) đều khai thống nhất sống chung như vợ chồng từ năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Tuy nhiên, ngày 25/01/2018 Tòa án đã ra quyết định yêu cầu giao

nộp chứng cứ số 20/2018/QĐGNTLCC để yêu cầu anh L và chị H (D) giao nộp giấy đăng ký kết hôn, nhưng anh L và chị H (D) không giao nộp được. Quá trình giải quyết vụ án, anh L chỉ giao nộp được một đơn có mất giấy kết hôn đề ngày 20/02/2017 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L với nội dung “ ông Nguyễn Văn L sinh năm: 1973, bà Võ Thị H sinh năm: 1974 cùng cư ngụ ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre có đăng ký kết hôn tại UBND xã vào năm 1994 nhưng sổ bộ không còn lưu”. Do đó, ngày 06/3/2018 Tòa án nhân dân huyện D đã tiến hành xác minh việc đăng ký kết hôn của anh L và chị H (D) tại Ủy ban nhân dân xã L thì được chị Nguyễn Ngọc Diệu – nguyên là cán bộ Tư pháp - Hộ tịch trước đây cung cấp thông tin như sau: “Vào ngày 22/02/2017 Ủy ban nhân dân xã L có nhận được đơn có mất giấy kết hôn của anh L, lúc này tôi làm cán bộ tư pháp xã tiếp nhận đơn của anh L. Do có quan hệ họ hàng, bà con với anh L, nên biết được trước đây vào năm 1994 giữa anh L và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, nhưng sổ bộ lưu đăng ký kết hôn năm 1994 không còn lưu tại Ủy ban nhân dân xã (sổ bộ đã mất), nên tôi đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã xác nhận cho anh L và chị H có đăng ký kết hôn vào năm 1994 nhưng sổ bộ không còn lưu”.

[3]. *Hội đồng xét xử thấy*: Anh L và chị H đều khai có đăng ký kết hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cả anh L và chị H (D) đều không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn, hơn nữa việc Ủy ban nhân dân xã L xác nhận anh L và chị Huệ (D) có đăng ký kết hôn vào năm 1994 là không có cơ sở, bởi hiện sổ bộ lưu việc đăng ký kết hôn năm 1994 của Ủy ban xã đã thất lạc nên không có cơ sở xác định anh L và chị H (D) có đăng ký kết hôn.

[4]. Từ những cơ sở nêu trên, xác định được anh L và chị H (D) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, và cả 02 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã L nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L; và cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. **Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 của** Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ giữa anh L và chị H (D) là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[5]. Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa anh Nguyễn Văn L và chị Võ Thị H (Võ Thị D) là vợ chồng.

[6]. *Về con chung*: Quá trình sống chung anh L và chị H (D) có 01 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày: 19/8/1995. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động, nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. *Về tài sản chung*: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. *Về nợ chung*: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:*

[10]. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11]. Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn L và chị Võ Thị H (Võ Thị D).

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày: 19/8/1995. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006375 ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre. Như vậy, anh Nguyễn Văn L đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Võ Thị H (Võ Thị D) vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chậu – Ngô Thái Hùng

Trần Thị Mỹ Duyên

